

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1197/2025/DS-ST  
Ngày: 23 - 9 - 2025  
V/v tranh chấp Hợp đồng vay  
tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Như Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Ngọc Long;
- Bà Lê Thị Phương Hồ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 345/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lương Văn Q, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký thường trú: Xóm M, xã N, tỉnh Nghệ An (địa chỉ cũ: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Nhữ S, sinh năm 1983 (có mặt);

Nơi đăng ký thường trú: Số A, thôn Y, xã N, tỉnh Thanh Hóa (địa chỉ cũ: Số A, thôn Y, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa).

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Nơi ở hiện tại: Số A đường P, ấp H, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A đường P, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện nộp ngày 13/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Nhữ S trình bày:*

Ông Lương Văn Q có quen biết với bà Nguyễn Thị Mai H thông qua em gái của ông Q là bà Lương Thị T. Sau khi quen biết, nói chuyện thì bà H biết ông Q có bán cây keo được một số tiền nên bà H có hỏi mượn ông Q 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng để làm ăn, mở quán bán cà phê. Ngày 28/02/2024, Bà H có viết giấy vay tiền ông Q với nội dung ông Q cho bà H vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 01 (một) năm, hình thức trả dần hàng tháng. Tuy nhiên, sau khi vay tiền bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và trốn tránh, chặn mọi liên lạc với ông Q. Ngày 03/8/2024, ông Q vào huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh tìm bà H để giải quyết số nợ trên thì bà H nói không có khả năng chi trả. Cùng ngày 03/8/2024, bà H có viết giấy cam kết sẽ trả cho ông Q số nợ trên mỗi tháng từ 5.000.000 (năm triệu) đồng đến 10.000.000 (mười triệu) đồng nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết.

Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Số tiền ông Q cho bà H vay là tiền cá nhân của ông Q, không liên quan đến vợ ông Q là bà Lương Thị T1, sinh năm 1985 ngụ tại Xóm M, xã N, tỉnh Nghệ An hay người nào khác.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Nhữ S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H vắng mặt.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:*

Về tố tụng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử; thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định; việc tham gia hỏi

tại phiên tòa đúng quy định. Tuy nhiên, cần khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H có trách nhiệm trả cho ông Lương Văn Q số tiền nợ là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:**

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 13/12/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại Số A đường P, ấp H, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về tố tụng:**

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mai H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn xác định số tiền cho vay là tiền cá nhân của nguyên đơn, không liên quan đến vợ ông là bà Lương Thị T1, sinh năm 1985 ngụ tại Xóm M, xã N, tỉnh Nghệ An. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa bà T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[3] Về yêu cầu của đương sự:**

##### **[3.1] Về hình thức:**

Tại giấy vay tiền ngày 28/02/2024, bà Nguyễn Thị Mai H xác nhận nội dung bà vay của ông Lương Văn Q số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng,

thời hạn trả nợ 01 năm. Như vậy, về mặt hình thức, giấy vay tiền ngày 28/02/2024 đã được lập thành văn bản, phù hợp với Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời, theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tài sản không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

[3.2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 13/12/2024, ông Lương Văn Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để cung cấp lời khai, trình bày ý kiến là từ bỏ quyền chứng minh, phản đối của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại giấy vay tiền ngày 28/02/2024 thể hiện ông Q cho bà H vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn trả nợ là 01 (một) năm, không thỏa thuận lãi suất. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng hai bên có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q. Ông Q đã thực hiện nghĩa vụ thông báo đòi nợ trước hạn đối với bà H theo thông báo ngày 03/10/2024 là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn ông Lương Văn Q không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H phải trả lại số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai H có nghĩa vụ trả cho ông Lương Văn Q số tiền nợ là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng theo giấy vay tiền ngày 28/02/2024.

Thi hành ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho ông Lương Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0063325 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - TPHCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 8 - TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký, đóng dấu)*

**Nguyễn Như Ngọc**